# CẢI CÁCH NÔNG NGHIỆP CỦA LIÊN BANG NGA TRONG TIẾN TRÌNH GIA NHẬP WTO

**TS. Nguyễn Minh Quang**
*Học viện CTQG Hồ Chí Minh*
**Ths. Tô Quang Thu**
*Uỷ ban Kiểm tra TW Đảng*

Cùng với quá trình đàm phán gia nhập WTO, trong hơn mười năm qua, LB Nga đã thực hiện những cải cách trên nhiều lĩnh vực nhằm đáp ứng các cam kết trong đàm phán và chuẩn bị các điều kiện trong nước để có thể chịu được áp lực của cạnh tranh, nhằm tăng cường tối đa lợi ích, giảm thiểu thiệt hại của việc gia nhập WTO. Quá trình này diễn ra trong mọi lĩnh vực, mọi cấp độ của nền kinh tế, từ cải cách thể chế, cải tổ bộ máy hành chính, điều chỉnh pháp luật, tới cải cách các chính sách kinh tế vĩ mô của Nhà nước, từ điều chỉnh cơ cấu ngành tới chiến lược của từng doanh nghiệp.

Là một trong những lĩnh vực nhạy cảm trong quá trình đàm phán, nông nghiệp nước Nga đã có những cải cách nhằm đáp ứng những tiêu chuẩn của WTO, đặc biệt về trợ cấp và mở cửa thị trường hàng hoá nông sản. Vì vậy, bài viết này sẽ tập trung phân tích thực trạng nông nghiệp Nga, những đàm phán, cam kết và cải cách trong lĩnh vực này.

**I. Đàm phán và cam kết trong lĩnh vực nông nghiệp của Nga**

Theo quy định của WTO, hai yêu cầu đặt ra đối với ngành nông nghiệp Nga trong quá trình gia nhập WTO đó là phải điều chỉnh về trợ cấp các sản phẩm nông nghiệp trong nước và trợ cấp xuất khẩu các sản phẩm nông nghiệp cho phù hợp với yêu cầu của WTO. Vấn đề này được quy định trong các văn bản của WTO, theo quy định tại điều 16 của GATT, phần thoả thuận trợ cấp của Vòng đàm phán Urugoay và thoả thuận về nông nghiệp[1]. Những điều này là cơ sở cho Nga đàm phán với các đối tác khác trong quá trình gia nhập WTO. Nghĩa vụ của các nước thành viên WTO là vấn đề trợ cấp phải được loại bỏ dần trong vài thập kỷ tới. Điều khoản 16 của GATT chứa đựng nghĩa vụ về trợ cấp, quy định các nước phải báo cáo tất cả các khoản trợ cấp làm tăng lượng hàng hoá xuất khẩu và giảm tỷ lệ nhập khẩu[2]. Vấn đề này cũng được sửa đổi trong điều khoản của GATT, đó là: Cấm sử dụng trợ cấp xuất khẩu đối với những sản phẩm chủ yếu có thể dẫn đến xuất khẩu nhiều hơn "phần công bằng của thương mại xuất khẩu thế giới về sản phẩm đó" và cấm trợ giá xuất khẩu những

---

[1] *Nga và WTO, "Negotiations on the Accession of Russia to the WTO, Regarding Agriculture," www.wto.ru, ngày 6 tháng 3 năm 2004.*
[2] *Điều 16 khoản 1 GATT.*

mặt hàng không chủ yếu dẫn đến giá cả thấp hơn so với giá cả của những hàng hoá tương tự không được xuất khẩu[3]. Vòng đàm phán Urugoay đã quy định một cách rõ ràng hơn về các điều liên quan đến nông nghiệp theo quy định của GATT. Vấn đề nông nghiệp đóng vai trò trọng tâm trong Vòng đàm phán Urugoay, đặc biệt khi Vòng đàm phán Doha đã thất bại chủ yếu liên quan đến trợ cấp nông nghiệp. Tại Vòng đàm phán Urugoay, những thoả thuận trợ cấp được mở rộng khái niệm từ trợ cấp xuất khẩu đến trợ cấp nội địa, trợ cấp được coi là đối xử không công bằng trong quan hệ thương mại. Rõ ràng, những thoả thuận liên quan đến trợ cấp nông nghiệp của Vòng đàm phán Urugoay được quy định chi tiết cho lĩnh vực nông nghiệp. Cụ thể:

*Thứ nhất, trợ cấp sản phẩm nông nghiệp nội địa.* Điều khoản quy định này yêu cầu các quốc gia "Biện pháp trợ cấp tổng thể – AMS" và "Mức đề xuất trọn gói hàng năm và cuối cùng". Các quốc gia gia nhập WTO đòi hỏi các nước thoả thuận mức độ trợ cấp nội địa và mức thoả thuận thấp nhất đối với mức thoả thuận cuối cùng. Theo quy định của WTO, mức trợ giá được WTO quy định: màu xanh – cho phép, màu vàng hoặc hổ phách – thoả thuận cắt giảm và màu đỏ – cấm trợ cấp. Biện pháp trợ cấp tổng thể được WTO định nghĩa như sau: *"Tổng các biện pháp trợ cấp tổng thể đối với các sản phẩm nông nghiệp được tính bởi tổng các biện pháp trợ cấp đối với các sản phẩm nông nghiệp cơ bản, tổng các biện pháp trợ cấp cụ thể với sản phẩm phi sản xuất và các biện pháp tương đương trợ cấp"*[4]. Theo đó, các nước phát triển yêu cầu giảm các biện pháp trợ cấp tổng thể từ năm 1993, tức giảm AMS xuống mức 20% trong vòng 6 năm, trong khi đó các nước đang phát triển yêu cầu giảm tới mức 13,3% trong vòng 10 năm. Quy định về thoả thuận nông nghiệp cũng quy định danh sách loại trừ hoặc các mục cho các nước thành viên, không yêu cầu phải tính toán mức biện pháp trợ cấp tổng thể. Ngoài ra, WTO cũng quy định các biện pháp "thoả thuận xanh" cho phép chính phủ các nước thành viên được hỗ trợ như nghiên cứu trong lĩnh vực nông nghiệp, kiểm soát bệnh dịch, xây dựng cơ sở hạ tầng, an ninh lương thực và một số biện pháp khác.

*Thứ hai, vấn đề trợ cấp xuất khẩu.* Các nước thành viên thoả thuận giảm trợ cấp xuất khẩu đối với các sản phẩm nông nghiệp theo hai phương thức: Giảm các khoản chi ngân sách đối với trợ cấp xuất khẩu và giảm số lượng các sản phẩm được xuất khẩu đã được trợ cấp. Theo điều 9 về thoả thuận nông nghiệp, trợ cấp xuất khẩu các sản phẩm nông nghiệp của các nước phát triển phải giảm bằng mức 36%, tương tự giai đoạn 1986 – 1990 trong vòng 6 năm và số lượng xuất khẩu sản phẩm nông nghiệp bằng 21%. Các nước đang phát triển tương ứng là 24% và sản lượng xuất khẩu 14% trong vòng 10 năm. Ngoài ra, điều 9 cũng quy định danh sách các biện pháp liên quan đến trợ cấp xuất khẩu như thanh toán trực tiếp hoặc thanh toán từng phần đối với nhà sản xuất; bán các

[3] *Điều 16 khoản 3 và 4 của GATT*

[4] *WTO, thoả thuận về nông nghiệp – www.wto.org* WTO, 5/2/2004.

sản phẩm nông nghiệp có giá trị thấp hơn giá thị trường; trợ cấp giảm giá tiếp thị các sản phẩm nông nghiệp; trợ cấp như vận chuyển nội địa và chuyên chở các sản phẩm xuất khẩu và trợ cấp các sản phẩm nông nghiệp ngẫu nhiên thống nhất các sản phẩm đã xuất khẩu.

Do đó, trong quá trình đàm phán về mức trợ cấp nông nghiệp Nga, các thành viên WTO khác thuộc nhóm Cairn (gồm 18 nước xuất khẩu lương thực quan trọng nhất trong WTO) muốn Nga lấy mức trợ cấp của cuối những năm 1990 làm mức trợ cấp tham khảo. Vì trợ cấp nông nghiệp Nga vốn đã thấp và điều đó có thể quyết định mức trợ cấp có giới hạn trên thấp mà Nga phải cam kết trong đàm phán gia nhập WTO. Ngược lại, Nga cho rằng, trợ cấp hiện nay là thấp nên Nga đang cố tìm cách sử dụng mức trợ cấp ở thời kỳ cuối những năm 1980 làm cơ sở tham khảo, vì đây là giai đoạn có mức trợ cấp cao hơn nhiều so với hiện nay. Tuy nhiên, các đối tác đàm phán phản đối thoả thuận lấy giai đoạn này để vận dụng mức trợ cấp cho sản phẩm nông nghiệp của Nga.

Tháng 3 năm 2001, bản đề nghị chính thức của Nga đã được trình lên Ban thư ký WTO và lấy thời kỳ 1991 - 1993 làm cơ sở để tính toán trợ cấp quốc gia cho khu vực nông nghiệp và lấy thời kỳ 1990 - 1992 làm cơ sở để tính toán trợ cấp xuất khẩu. Chi tiết của các đề nghị này như sau: Tổng mức trợ cấp (mức khu vực vàng) 16,2 tỷ USD (bình quân toàn bộ ASM được áp đặt) giảm xuống 12,9 tỷ USD trong vòng 6 năm; Về khoản trợ cấp xuất khẩu, bình quân 726 triệu USD áp đặt giảm xuống 464,7 triệu USD phân ra trong 6 năm. Nhưng như ở phần trước đã nêu, phía các đối tác của Nga cho rằng, hiện nay Nga không có khả năng thực hiện trợ cấp như thời kỳ 1990 - 1993 và do đó, đề nghị mức trợ cấp như thế là không thực tế.

Tuy nhiên, theo phía Nga, đề nghị của Nga là dựa trên cơ sở tài trợ ngân sách cho khu vực nông nghiệp được tính toán dựa vào *Những hướng dẫn về Chính sách nông nghiệp và thực phẩm của Chính phủ Liên bang Nga thời kỳ 2001-2010*. Nhiều nước thành viên WTO đã không chấp nhận những đề xuất trợ cấp xuất khẩu của Nga. Họ tìm cách bắt buộc Nga phải từ bỏ các biện pháp trợ cấp xuất khẩu mà về cơ bản đã được các thoả thuận nông nghiệp của WTO cho phép. Trong khi đó Nga kiên quyết đòi hỏi quyền được trợ cấp nông sản và xuất khẩu thực phẩm sau khi gia nhập WTO. Tuy nhiên, các bên cũng đã đạt được sự thống nhất sau các cuộc trao đổi ý kiến được tổ chức tại Giơnevơ từ tháng 1 đến tháng 6 năm 2002 để thảo luận về việc thừa nhận tình trạng của Nga: Xác định chi tiết hơn cơ chế cho phép trợ cấp nhà nước và khả năng chấp nhận chúng liên quan tới tiêu chuẩn thoả thuận của WTO về nông nghiệp; Phân biệt rõ hơn giữa các biện pháp khu vực vàng và khu vực xanh; Quy định thi hành luật và lập pháp về các mức trợ cấp kết hợp với *Những hướng dẫn về Chính sách nông nghiệp và thực phẩm của Chính phủ Liên bang Nga thời kỳ 2001-2010*. Những thoả thuận này là cơ sở quan trọng để Nga điều chỉnh chính sách cho phù hợp với yêu cầu của WTO.

**II. Cải cách nông nghiệp ở LB Nga theo yêu cầu gia nhập WTO**

Nông nghiệp là một trong những lĩnh vực quan trọng trong nền kinh tế nước Nga, chiếm tỷ trọng 6% GDP và khoảng 13% tổng lực lượng lao động của nước Nga[5]. Trong quá trình chuyển đổi từ nền kinh tế kế hoạch tập trung sang nền kinh tế thị trường, nước Nga đã có những cải cách quan trọng trong lĩnh vực nông nghiệp theo hướng cơ cấu lại lĩnh vực nông nghiệp, tư nhân hoá, hỗ trợ giá cả và thu nhập cho người nông dân, đặc biệt nhà nước đã đa dạng hoá hình thức sở hữu đất đai trong nông nghiệp.

Nước Nga thực thi chính sách tự do hoá thương mại kể cả trong lĩnh vực nông nghiệp, mở cửa thị trường đối với sản phẩm nông nghiệp cho các doanh nhân nước ngoài. Hiện nay, nước Nga nhập khẩu 40% sản phẩm nông nghiệp cho tiêu dùng trong nước, trong đó 80% sản phẩm gia cầm, 2/3 là đường, 1/3 là bơ và hơn một nửa là các lương thực thực phẩm phục vụ nhu cầu hàng ngày[6]. Đặc biệt, chính sách hỗ trợ tài chính cho nông dân Nga giảm dần từ 29%(1997) xuống 15%(1998) và còn 3%(1999), mức hỗ trợ này còn thấp hơn mức hỗ trợ trung bình 40% của các nước OECD.

Bước vào những năm đầu thế kỷ XXI, công cuộc cải cách trong lĩnh vực nông nghiệp của Nga tiếp tục được tăng cường, cụ thể:

*Thứ nhất, Duma Nga ban hành Luật Đất đai mới.* Luật Đất đai mới ban hành quy định gắn chặt quan hệ đất đai với nông nghiệp, với diện tích nông trang chiếm 2/3 diện tích và 6% đất đô thị đã được tư nhân hoá. Đất nông nghiệp luôn là chủ đề gây tranh cãi trong vấn đề cải cách ở Nga kể từ khi Liên Xô sụp đổ. Theo quy định mới của Luật Đất đai Nga: chấp nhận nguyên trạng đối với tình trạng hiện tại, cho phép mua bán đất đai trong thành phố và phân chia đất thành nhiều loại. Đặc biệt, Luật Đất đai mới quy định cá nhân nước ngoài hoặc thể nhân hạn chế sở hữu đất đai trong một số trường hợp... Rõ ràng, với những quy định mới liên quan đến sở hữu đất đai, chuyển nhượng đất đai đã kích thích người nông dân Nga yên tâm đầu tư lâu dài và điều này đã dẫn đến tăng nhanh lượng hàng hoá nông nghiệp.

*Thứ hai, Duma Nga ban hành sắc thuế mới.* Tháng 12 năm 2001, Tổng thống Nga ban hành luật Liên bang về "*Đạo luật thuế phần II và một số quy định khác liên quan đến thuế suất và thuế*". Theo sắc thuế mới sẽ áp dụng mức thuế nông nghiệp thống nhất. Các trang trại hiện nay phải có nghĩa vụ với Nhà nước về thuế nông nghiệp cụ thể trên diện tích đất (đất đai là cơ sở định giá thuế) thay thế nghĩa vụ đóng trọn gói thuế như trước đây. Thuế nông nghiệp mới là tổng hợp các loại thuế (trừ thuế VAT, thuế thu nhập cá nhân) và các khoản này được chuyển vào Quỹ Hưu trí. Đạo luật thuế II không dự tính

---

5 http://www.oecd.org/dataoecd/25/6/17856208.pdf

6 Michael P. Barry, "*Russia, Agriculture, and WTO Accession*", http://www.usrbc.org/MembersOnly/Committees/WTOWG/Highlights/Russia_WTO_Agriculture_Feb_2004.pdf

miễn thuế cho bất kỳ loại thuế lợi tức nào đối với nông nghiệp. Thuế này được áp dụng ở mức thuế chung, cách tính thuế dựa trên cơ sở mức thuế đã thực hiện trước đây. Sắc thuế mới không đánh thuế đối với diện tích đất nông nghiệp đi thuê và người có cổ phần là đất đai không được coi là người sản xuất nông nghiệp. Những người này gồm người lao động, người hưu trí, người lao động nông thôn đang thuê các cổ phần của các trang trại. Điều này có nghĩa là tất cả các loại đất được thuê theo hình thức cổ phiếu sẽ không chịu điều chỉnh của sắc thuế này và các doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp phải thanh toán thuế phần đất sở hữu hoặc diện tích đất đai sử dụng.

*Thứ ba, một số quy định về thị trường nông sản.* Năm 2000 Chính phủ Nga đưa ra Chương trình Phát triển kinh tế – xã hội đến năm 2010. Chính phủ Nga đã tuyên bố bắt đầu can thiệp vào thị trường ngũ cốc. Vào cuối năm 2000, Thủ tướng Nga chấp nhận chương trình phát triển ngũ cốc có sự can thiệp của Chính phủ. Chính phủ cũng chấp nhận việc bán quota nhập khẩu đường thô qua tài trợ của Chính phủ. Chính vì vậy, trong năm 2001, sản lượng trong nước được nâng cao và giá cả hàng ngũ cốc giảm mạnh. Nhưng ngũ cốc vẫn là một trong những sản phẩm nhiều lợi nhuận nhất. Giá cả thấp sẽ làm giảm sản lượng ngũ cốc và điều này đe doạ tới các nhà chế biến ngũ cốc. Trong trường hợp, giá cả thấp trên thị trường thì Chính phủ sẽ can thiệp vào để nâng giá cả. Nếu giá cả thị trường cao thì sẽ bán cho Nhà nước, điều này đảm bảo chống lại ngũ cốc thâm nhập vào thị trường nội địa Nga. Mặt khác, người bán ngũ cốc cho Nhà nước sẽ thay thế nhà nhập khẩu, như vậy sự tăng giá là không thể làm được. Việc này được áp dụng tương tự như quy định của EU, đó là đảm bảo giá cả tối thiểu. EU quy định mức thuế quan nhập khẩu khác nhau cho những sản phẩm nhất định được đánh thuế cho sản phẩm cần can thiệp về giá cả. Ví dụ, chính sách can thiệp giá cả của Bộ Nông nghiệp Nga trong năm 2001 cho phép khoảng 2.300 – 2.700 Rúp/ tấn lúa mỳ tuỳ thuộc vào khu vực. Chính phủ Nga đã mua tất cả 250.200 tấn lúa mỳ với tổng số tiền trị giá 675,5 tỷ Rúp. Ba công ty được chỉ định bán giá cao nhất cho Nhà nước và sự kiện này không ảnh hưởng tới các nhà chế biến ngũ cốc.

Trên cơ sở các quy định của WTO về vấn đề trợ cấp trong lĩnh vực nông nghiệp, nước Nga đã có những cải cách cụ thể đáp ứng được các tiêu chuẩn của WTO và các đối tác khác trong quá trình đàm phán mở cửa thị trường nông sản. Đó là những vấn đề cụ thể liên quan như:

*Thứ nhất, mức trợ cấp nội địa các sản phẩm nông nghiệp.* Mức trợ cấp theo đề xuất của phía Nga trong quá trình đàm phán tương đương giai đoạn 1989 – 1991, vào khoảng 84 tỷ USD hàng năm. Nhưng số liệu trợ cấp mà chính phủ Nga đưa ra trung bình hàng năm giai đoạn 1989 – 1995 là 42 tỷ USD, bằng một nửa so với tính toán ban đầu, nhưng vẫn cao hơn so với Nga trợ cấp trong lĩnh vực nông nghiệp. Theo quy định của WTO, nếu bất kỳ khoản trợ cấp nào cao hơn mức giới hạn trong những năm 1989 – 1995 sẽ không bắt buộc cắt giảm trong tương lai, bởi vì điều này ảnh hưởng tới kết quả đàm phán "water", làm tăng cam kết tự do tăng trợ cấp nội địa

ảnh hưởng tới các đối tác khác như Niudilân hay Úc. Hiện nay, theo đề nghị của Nga sẽ trợ cấp nội địa bằng mức tương đương với giai đoạn 1991 – 1993 là khoảng 12,9 tỷ USD.

*Thứ hai, thuế nhập khẩu và mở cửa thị trường.* Khi nước Nga chuyển đổi từ nền kinh tế kế hoạch sang nền kinh tế thị trường đã mở cửa thị trường nông nghiệp, đây là một phần ưu tiên của tiến trình cải cách. Nhưng sau đó, chế độ bảo hộ nông nghiệp ở Nga ngày càng cao, chính quyền Trung ương đã yêu cầu tăng thu ngân sách từ việc nhập khẩu các sản phẩm nông nghiệp. Năm 1994, nước Nga đánh thuế nhập khẩu các sản phẩm nông nghiệp như ngũ cốc, hoa quả và đường thô với mức 1% và mức 20% với gia cầm và đường trắng. Năm 1995 mức thuế nhập khẩu trung bình đối với các sản phẩm nông nghiệp tăng lên 15,5%, năm 1998 mức thuế trung bình đối với các sản phẩm nông nghiệp chưa qua sơ chế là 16,4% và 20,1% đối với các sản phẩm đã qua sơ chế[7]. Hiện nay, mức thuế nhập khẩu các sản phẩm chưa qua chế biến trung bình dao động từ 1 – 30% và các sản phẩm đã qua sơ chế từ 0 – 100%. Nhưng mức thuế đòi hỏi phải cắt giảm ở mức 26% cho tất cả các loại sản phẩm nông nghiệp ở giai đoạn cuối được thực hiện vì mức thuế quan nhập khẩu này thấp nhất mà phía Nga chấp nhận khi đàm phán với các nước thành viên WTO.

Mặt khác, nước Nga đang tiến hành một chiến lược thực hiện quota thuế quan cho một số sản phẩm nông nghiệp nhằm thoả mãn nhu cầu của người tiêu dùng, cho phép nhập khẩu giá rẻ với một lượng hàng nhất định, sau đó tăng cao mức thuế quan đến mức ngăn cấm. Nga đã sử dụng quota thuế quan trong quá trình tăng sức ép với EU, Mỹ hoặc những đối tác thương mại chủ yếu khác. Ví dụ, năm 2002, Brazil đã đạt được thoả thuận với Nga về xuất khẩu gia cầm, đáp lại Brazil chấp nhận số lượng tương ứng với tổng lượng nhập khẩu ngũ cốc, điều này làm giảm thặng dư về ngũ cốc của đất nước trong năm 2002.

*Thứ ba, trợ cấp xuất khẩu.* Sau cuộc khủng hoảng tài chính năm 1998, nước Nga phá giá đồng Rúp, làm hàng hoá nhập khẩu giảm mạnh, đầu tư vào nông nghiệp trong nước, đặc biệt là sản phẩm ngũ cốc tăng dần. Cổ phần hoá nông nghiệp ở Nga đã được thực hiện và thời tiết thuận lợi là một trong những nhân tố quan trọng để nước Nga trở thành một nhà xuất khẩu nông sản trong năm 2000. Xu hướng tăng sản lượng ngũ cốc tiếp tục và năm 2002 cổ phiếu đã tăng tới mức giới hạn vì hạn chế xuất khẩu. Mặc dù trợ giá các hàng hoá xuất khẩu nông nghiệp cao hơn so với Vòng đàm phán thương mại Doha của WTO, nhưng nước Nga vẫn mong muốn WTO cho phép được tiếp tục thực hiện trợ giá xuất khẩu vì giá cả trong nước khác với giá cả thị trường quốc tế đối với các sản phẩm nông nghiệp. Nhưng Nga thừa nhận đã trợ giá trong quá trình vận chuyển ngũ cốc đến các cảng biển quan trọng. Trợ giá đường sắt trong xuất khẩu ngũ cốc hàng năm khoảng 1,6 tỷ USD, tương đương với 27% mức trợ giá của EU đã đề ra trong Thoả thuận Nông nghiệp, nhưng đề xuất của Nga đã bị bác bỏ. Tuy nhiên, mức trợ giá xuất khẩu của nước Nga trong năm 2002 là 726

[7] *Nguồn: Cục Hải quan Liên bang Nga, 2000.*

triệu USD, giảm rất nhiều so với năm 2000. Ngoài ra, Nga đã thiết lập mức trần thuế nhập khẩu. Hơn nữa, nghĩa vụ trợ cấp nông nghiệp của Chính phủ thừa nhận bao gồm đặc quyền thuế, tín dụng và thuế vận chuyển đặc biệt, giảm giá trong việc cung cấp nguyên liệu thô. Nhưng tiêu chuẩn để thực hiện các khoản trợ cấp ở các nước là rất khác nhau. Theo quy định của WTO, trong vòng 6 – 7 năm phải giảm mức trợ cấp ít nhất là 15%[8]. Thuế nhập khẩu của Nga hiện nay là 30 % nhưng rất ít khi được áp dụng. Còn tỷ lệ của Liên minh Châu Âu có thể là 200%, thậm chí có lúc tới 300%.

Bộ Nông nghiệp Nga đã đề xuất kiểm soát thông qua hạn ngạch, tỷ lệ thuế quan vẫn được duy trì đối với các đối tác, có thể tăng gấp 3 – 5 lần quota thuế có thể được bán. Số lượng bán là cố định vì thị trường bù đắp cung và cầu. Ví dụ trong năm qua, quota thuế đối với mặt hàng đường ở Nga là 208 triệu USD. Hệ thống thu này đã giúp nước Nga bảo hộ hữu hiệu một số nhóm hàng, nhưng lại gây trở ngại trong quá trình gia nhập WTO. Quan điểm của nước Nga là vẫn duy trì loại quota thuế này, vì cho rằng nước Nga vẫn đang trong quá trình cải cách lại ngành nông nghiệp và vẫn tiếp tục đàm phán với các đối tác về lĩnh vực này.

Cho đến nay Nga vẫn chưa phải là thành viên của WTO. Hiện Nga còn chưa kết thúc được đàm phán song phương với đối tác cuối cùng là Mỹ. Tuy nhiên, nước Nga đã có những bước đi tích cực nhằm đáp ứng quá trình gia nhập WTO, nhất là trong bối cảnh Vòng đàm phán Doha liên quan đến tự do hoá lĩnh vực nông nghiệp đang bị ách tắc. Công cuộc cải cách toàn diện ở Nga phải đảm bảo cuộc sống của người nông dân và cân bằng lợi ích của người tiêu dùng với việc nâng cao khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp chế biến trong điều kiện mở cửa thị trường theo quy định của WTO liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chương trình phát triển kinh tế – xã hội của Liên bang Nga giai đoạn trung hạn 2005 – 2008, tiếng Nga, www.government.ru

2. Paul G. Hare: *Russia and the World Trade Organization*, Heriot-Watt University, July 2002.

3. Michael P. Barry, *"Russia, Agriculture, and WTO Accession"*, http://www.usrbc.org/MembersOnly/Committees/WTOWG/Highlights/Russia_WTO_Agriculture_Feb_2004.pdf

4. Peter Wehrheim, *Russia's Accession to the WTO: Agricultural Policy and Trade Issues.*

5. Ksenia Yudaeva, *Russia's WTO accession: current state of negotiations, and forecasts of the effects,* Nguồn: http://www.cefir.org/Papers/cefwp16.pdf

6. John Nash, Vera Matusevich, and Holger Kray, *"Performance of the Agricultural Sector"*, chapter 1- www.worldbank.org

[8] **Nguồn:** Oliver Funk, Anja Lorenz, Dina Parakhina, *Russia's AccessionInto The World Trade Organization,* http://www.htwdresden.de/~s3103/projekte/IT2002.pdf April 2002.